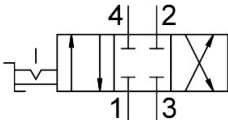
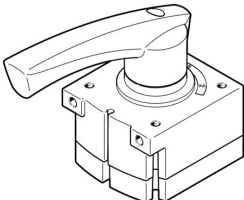


# Van khí nén tay gạt VHER-H-B43C-B-G12

Số bộ phận: 3192066

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                                   | Giá trị                                                                                                 |
|------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Chức năng van                                              | 4/3 đóng                                                                                                |
| Kiểu vận hành                                              | thủ công                                                                                                |
| Chiều rộng lắp đặt                                         | 80 mm                                                                                                   |
| Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343) | 3800 l/ph                                                                                               |
| Cổng nối làm việc bằng khí nén                             | G1/2                                                                                                    |
| Áp suất vận hành                                           | 0 bar...10 bar                                                                                          |
| Lưu ý về áp suất vận hành                                  | Chế độ chân không chỉ ở cổng 3<br>Trong chế độ áp suất kép, áp suất tại cổng 1 phải cao hơn tại cổng 3. |
| Cấu trúc xây dựng                                          | thanh trượt xoay                                                                                        |
| Chiều rộng định mức                                        | 12 mm                                                                                                   |
| Chức năng khí xả                                           | có thể điều tiết                                                                                        |
| Lưu ý áp dụng                                              | kích hoạt chỉ bằng tay                                                                                  |
| Nguyên lý bít                                              | cứng                                                                                                    |
| Kiểu điều khiển                                            | trực tiếp                                                                                               |
| Hướng dòng chảy                                            | không thể đảo ngược                                                                                     |
| Không chống chéo                                           | có                                                                                                      |
| Hiển thị vị trí chuyển mạch                                | với phụ kiện                                                                                            |
| Môi chất vận hành                                          | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                                                                    |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                      | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)                                           |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                       | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                                                                  |
| Tuân thủ LABS                                              | VDMA24364-B1/B2-L                                                                                       |
| Nhiệt độ trung bình                                        | -20 °C...80 °C                                                                                          |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                             | -20 °C...80 °C                                                                                          |
| Mô men xoắn kích hoạt                                      | 5 N m                                                                                                   |
| trọng lượng sản phẩm                                       | 860 g                                                                                                   |
| Kiểu gắn                                                   | Lắp bảng điều khiển phía trước<br>với lỗ xuyên<br>tùy ý:                                                |
| Cổng nối khí nén 1                                         | G1/2                                                                                                    |
| Cổng nối khí nén 2                                         | G1/2                                                                                                    |
| Cổng nối khí nén 3                                         | G1/2                                                                                                    |
| Cổng nối khí nén 4                                         | G1/2                                                                                                    |

| Đặc tính          | Giá trị         |
|-------------------|-----------------|
| Ghi chú vật liệu  | Tuân thủ RoHS   |
| Vật liệu của phốt | NBR             |
| Vật liệu vỏ       | Nhôm đúc áp lực |
| Vật liệu cần      | Nhôm đúc áp lực |